

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25-4-2025

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Lan**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Vương Thị Dung** và bà **Lương Thanh Kỳ**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thuỳ Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Thanh Ngọc** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại Phòng xét xử A – Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2025/TLST-HNGĐ ngày 20/01/2025, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 43/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Kiều L**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ D, ấp G, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông **Lê Thanh T**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ D, ấp G, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L có đơn xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Kiều L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Thanh T kết hôn tự nguyện, bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2007. Hôn nhân là do hai bên tìm hiểu yêu thương nhau. Ngày 19/07/2007 mới đăng ký kết hôn số 213, quyền số 01/2007 tại UBND xã T, huyện Đ. Cuộc sống chung hạnh phúc đến tháng 10/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hoà hợp, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 10/2024 đến nay bà và ông T không còn chung sống với nhau. Từ lúc sống ly thân đến nay hai người mạnh ai nấy sống. Hiện nay bà không còn tình cảm yêu thương dành cho ông T nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Thanh T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên là Lê Thị Tú U, sinh ngày 04/11/2005 và Lê Thành Đ, sinh ngày 30/01/2008. Bà L thay đổi yêu cầu về nuôi con so với ban đầu khởi kiện, khi ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thành Đ, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Hiện nay, cháu Lê Thị Tú U đã thành niên, tự nuôi sống bản thân nên không ai phải nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng bị đơn ông Lê Thanh T không đến Tòa án để làm việc, đã xuống địa phương nhưng không ghi được lời khai của ông T.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập niêm yết họp lệ nhưng vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. Về hôn nhân: Cho bà L được ly hôn với ông T. Về con chung: Giao 01 con chung Lê Thành Đ, sinh ngày 30/01/2008 cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu. Tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí: Bà L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Bị đơn ông Lê Thanh T có nơi cư trú tại: tổ D, ấp G, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán. Bà L yêu cầu ly hôn và nuôi con vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 20/01/2025, Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện về việc bà L xin ly hôn với ông T. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà là nguyên đơn, ông T là bị đơn trong vụ án.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập niêm yết họp lệ, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà L và ông T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn số 2013, quyền số 01/2007 ngày 19/7/2007 tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Như vậy, hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Tại các biên bản xác minh ngày 17/3/2025 thể hiện vợ chồng bà có mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hoà hợp nên thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 10/2024 đến nay 02 người không còn sống chung với nhau, bỏ mặc nhau, mạnh ai nấy sống, không tự hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định bà L và ông T đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 89, 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận nên cho bà L được ly hôn với ông T.

- Về nuôi con chung: có 02 con chung Lê Thị Tú U, sinh ngày 04/11/2005 và Lê Thành Đ, sinh ngày 30/01/2008. Từ khi sống ly thân, bà L là người nuôi dưỡng con chung. Bà T1 làm thuê thu nhập trung bình 6.000.000đ/tháng nên đủ điều kiện nuôi con, con được đi học tại trường đầy đủ. Bên cạnh đó nguyện vọng của con chung mong muốn được ở với mẹ. Để bảo đảm cuộc sống cho con chung phát triển tốt về mặt thể chất cũng như ổn định vấn đề tinh thần, tâm lý cho trẻ nên tiếp tục giao con chung cho bà L được nuôi dưỡng là có cơ sở. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình, do bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn cho ông T nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung Tú U đã đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không ai phải nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, khi có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 89, 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kiều L.
- Về hôn nhân: Bà Lê Thị Kiều L được ly hôn với ông Lê Thanh T.
- Về nuôi con chung: Con chung Lê Thị Tú U, sinh ngày 04/11/2005 đã đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không ai phải nuôi dưỡng.

Giao con chung Lê Thành Đ, sinh ngày 30/01/2008 cho bà Lê Thị Kiều L được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời miễn cho ông T nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, ông T và bà L có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Khi có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Kiều L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ bà L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014960 ngày 20/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho bà L và ông T biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA DS huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Thanh Sơn, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, số 213, quyển số:I/2007, ngày 19/07/2007 để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Lan

